TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:54/2024 /DS-ST
Ngày: 23-02-2024.
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G C, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Trần Thị An Thư

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Hùng
2. Ông Bành Quốc Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Hồ Hải Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G C, tỉnh Tiền Giang;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C tham gia phiên tòa*: ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194 a/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06 a/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/ QĐST- DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp Kh N, xã L B, huyện G C T, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Trần Quang V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp G M, xã B Â, huyện G C Đ, Tiền Giang.

*Bị đơn:

1.Phan Khắc Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp N, xã T Đ, huyện G C Đ, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp Th A, xã L Th, thị xã G C, Tiền Giang.

2.Lê Thị Thu Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 536/43/25 Â C, P 10, Quận T B, TP Hồ Chí Minh.

Tạm trú: ấp Th A, xã L Th, thị xã G C, Tiền Giang.

(Anh vũ có mặt các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn anh Trần Quang Vũ trình bày*:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 25/02/2021, chị T có cho vợ chồng ông Phan Khắc Đ và bà Lê Thị Thu Th vay số tiền 300.000.000 đồng, Lãi suất thỏa thuận 4%/ tháng, trả lãi hàng tháng; thời hạn vay 10 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay lấy vốn để làm ăn kinh doanh. Để đảm bảo khoản vay, ông Đ và bà Th có thế chấp cho chị T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08040 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/11/2019 cho ông Phan Khắc Đ và bà Lê Thị Thu Th. Giao dịch có lập hợp đồng vay tiền và biên nhận tiền, ông Đ và bà Th ký tên xác nhận có vay và nhận của chị T số tiền 300.000.000 đồng. Quá trình thực hiện ông Đ và bà Th trả lãi được 03 tháng không đầy đủ và cũng không trả thêm lần nào gốc và lãi.

Nay chị T yêu cầu ông Đ và bà Th có nghĩa vụ trả cho chị T số vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/6/2021 đến khi xét xử xong, với mức lãi suất là 20%/ năm bằng 1,66%/ tháng, tính đến ngày xét xử 23/02/2024 là 02 năm 06 tháng 29 ngày bằng 159.945.000 đồng. Tổng cộng 459.945.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Ông Phan Khắc Đ, bà Lê Thị Thu Th được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của UB TVQH14 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Buộc ông Phan Khắc Đ và bà Lê Thị Thu Th có nghĩa vụ trả số tiền vay là 459.945.000 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Về án phí đương sự chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có cư trú tại xã L Th, thị xã G C nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G C, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: là tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản". Theo quy định Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án: ông Phan Khắc Đ và bà Lê Thị Thu Th có lập hợp đồng vay tiền có thời hạn, có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, để vay số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4% , ông bà có trả cho chị T được 03 tháng lãi thì không trả nữa, thời gian kéo dài làm thiệt thòi cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên Bà T có yêu cầu ông Đ và bà Th có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc là 300.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/6/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/02/2024 với mức lãi suất (20 % /năm), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[4.1]Xét yêu cầu của bà T về thời gian cho vay tiền và số tiền đã cho vay,

Bà Nguyễn Thị Ngọc T khai có cho vợ chồng ông Phan Khắc Đ và bà Lê Thị Thu Th vay số tiền 300.000.000 đồng, Lãi suất thỏa thuận 4%/ tháng, trả lãi hàng tháng; thời hạn vay 10 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay lấy vốn để làm ăn kinh doanh. Sau khi vay tiền thì ông Đ, bà Th đã trả được cho chị T 03 tháng lãi, sau đó không trả tiền lãi và tiền gốc.

Bị đơn Phan Khắc Đ và Lê Thị Thu Th vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng dù đã được triệu tập hợp lệ, không có đơn xin vắng mặt, không cung cấp bản khai và trình bày ý kiến về việc kiện của nguyên đơn, cũng không xuất trình bất kỳ chứng cứ nào.

Quá trình khởi kiện tại Tòa án bà T có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của Ông Phan Khắc Đ và bà Lê Thị Thu Th trong hợp đồng vay tiền (có thế chấp tài sản, giấy nhận tiền ngày 25/02/2021 đã cung cấp cho Tòa án để làm căn cứ buộc ông Đ và bà Th phải trả tiền cho bà T.

Kết luận giám định số 1970/ KL-KTHS (Đ2) ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự -Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

-Chữ ký, chữ viết họ tên Phan Khắc Đ trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết họ tên Phan Khắc Đ trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M do cùng một người ký, viết ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết

Họ tên Lê Thị Thu Th trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1, A2 so với chữ ký, chữ viết tên Lê Thị Thu Th trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Phan Khắc Đ, bà Lê Thị Thu Th có lập hợp đồng vay tiền(có thế chấp tài sản) và giấy nhận tiền là có xãy ra, qua kết luận giám định số 1970/ KL-KTHS(Đ2) ngày 03/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Tiền Giang, có căn cứ xác định ông Đ và bà Th vi phạm nghĩa vụ trả tiền, hơn nữa trong suốt quá trình tố tụng ông Đ, bà Th vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không có đơn xin vắng, không trình bày ý kiến và cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào coi như ông Đ, bà Th từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình trong vụ án. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

[4.2] Về yêu cầu tiền lãi: bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 25/6/ 2021 cho tới ngày xét xử sơ thẩm là 23/02/2024, với mức lãi suất (bằng 20%/ năm) x với 300.000.000 đồng tiền gốc bằng số tiền lãi 159.945.000 đồng.

Đối với loại hợp đồng vay có xác định thời hạn, và thỏa thuận lãi (4%/ tháng), theo bà T ông Đ, bà Th có trả được 03 tháng tiền lãi và không trả nữa, tính đến hết thời hạn thỏa thuận trả tiền gốc, ông Đ, bà Th đã nợ quá hạn và lãi suất quá hạn phát sinh, bà T chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là(20%/năm) là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Như vậy tiền lãi bằng 300.000.000 đồng x 973 ngày 20 %/ 365 ngày bằng 159.945.205 tiền lãi, nên yêu cầu bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết của ông Phan Khắc Đ, bà Lê Thị Thu Th. Căn cứ khoản 1 Điều 160, khoản 4 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự phải chịu 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm đồng*) tiền chi phí giám định mà đại diện nguyên đơn đã thanh toán xong. Nên ông Phan Khắc Đ, bà Lê Thị Thu Th phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 3.500.000 đồng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 160, khoản 4 Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466 ,468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc ông Phan Khắc Đ và bà Lê Thị Thu Th có nghĩa vụ trả cho ông tổng cộng số tiền 459.945.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi chín triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*), thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Buộc ông Phan Khắc Đ và bà Lê Thị Thu Th phải chịu án phí là 22.397.800 đồng(*Hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền mà bà đã nộp là 10.426.900 đồng(*Mười triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm đồng*) theo biên lai thu số 0028878 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G C Đ, tỉnh Tiền Giang.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phan Khắc Đ và bà Lê Thị Thu Th phải hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 3.500.000 đồng(*Ba triệu năm trăm đồng)* chi phí giám định chữ kí, chữ viết.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC- GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Thị An Thư